

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày 04 - 5 - 2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thanh Thủy và bà Hoàng Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; **theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trương Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Xóm V, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; hiện tạm trú tại: Xóm 1, xã H1, huyện H, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.**

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm V, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; hiện đang ở Đài Loan; vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 7 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau bình thường hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2017, anh Q đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan, vợ chồng ít quan tâm, liên lạc với nhau. Từ tháng 6 năm 2021, vợ chồng chấm dứt quan hệ, chị không còn chung sống với gia đình anh Q ở xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An mà đưa con về huyện H, tỉnh Nghệ An ở. Do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, cuộc sống chung của vợ chồng không thể duy trì được, chị T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2007; Nguyễn Trung T2, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2011 và

Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2018; hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh Q đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, chị T đề nghị Tòa án giao 03 con chung cho chị nuôi dưỡng, chưa yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian sống chung với gia đình anh Q từ năm 2017 đến năm 2021, chị T chưa yêu cầu gia đình anh Q trích chia tài sản đền bù công sức.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q hiện đang ở Đài Loan không rõ địa chỉ nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Q) và yêu cầu bà L cung cấp địa chỉ của anh Q ở nước ngoài. Theo bà L cho biết: Anh Nguyễn Văn Q đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan từ năm 2017 đến nay, có liên lạc về gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ cư trú nên bà L không biết để cung cấp cho Tòa án. Bà L đã thông báo cho anh Q biết việc chị T nộp đơn xin ly hôn anh và Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang giải quyết nhưng anh Q không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của anh Q trước khi đi nước ngoài.

Theo đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Tiến T1 và cháu Nguyễn Trung T2, nếu bố mẹ ly hôn, các cháu mong muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Trương Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh Nguyễn Văn Q, giao 03 con chung cho chị T nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung, công sức trong thời gian sống chung với gia đình anh Q, chị T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ và xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bảo đảm đúng quy định. Theo bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Q) cho biết: Anh Q đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan từ năm 2017 đến nay có, có liên lạc về gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ cư trú nên bà L không biết để cung cấp cho Tòa án. Bà L đã thông báo cho anh Q biết về việc chị T nộp đơn xin ly hôn anh Q và Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang giải quyết nhưng anh Q không có ý kiến gì. Việc anh Nguyễn Văn Q vắng mặt được xác định là cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Về con chung: Giao cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T chưa yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: **Chị T chưa yêu cầu và anh Q**

chưa có ý kiến nên đề nghị không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung”, Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q hiện đang ở Đài Loan; trước khi xuất cảnh, anh Q có địa chỉ cư trú tại xóm V, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại nơi cư trú và hiện đang ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị T không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q hiện đang ở Đài Loan. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Q) và yêu cầu bà L cung cấp địa chỉ của anh Q ở nước ngoài. Theo bà L cho biết: Anh Nguyễn Văn Q đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan từ năm 2017 đến nay, có liên lạc về gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ cư trú nên bà L không biết để cung cấp cho Tòa án. Bà đã thông báo cho anh Q biết việc chị T nộp đơn xin ly hôn anh và Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang giải quyết nhưng anh Q không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của anh Q trước khi đi nước ngoài. Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, Tòa án không nhận được bất cứ văn bản nào của anh Q trình bày về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 7 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, năm 2017, anh Q đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan cho đến nay, vợ chồng không còn liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn ly hôn anh Q. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Văn Q có 03 con chung là Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2007; Nguyễn Trung T2, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2011 và Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2018; chị T đề nghị Tòa án giao 03 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn. Xét thấy, anh Q hiện đang ở nước ngoài và chưa có ý kiến gì về việc nuôi con nên cần giao 03 con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như nguyện vọng của các con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T chưa yêu cầu và anh Q cũng chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Q có quyền đi lại chăm sóc, giáo dục con chung và có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, trích chia tài sản đền bù công sức trong thời gian sống chung: Chị Trương Thị T chưa yêu cầu và anh Nguyễn Văn Q chưa có ý kiến nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Giao cho chị Trương Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung là Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2007; Nguyễn Trung T2, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2011 và Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị T chưa **yêu cầu anh Nguyễn Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con** nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì các bên có quyền khởi kiện việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, trích chia tài sản đền bù công sức trong thời gian sống chung: Chị Trương Thị T chưa yêu cầu và anh Nguyễn Văn Q chưa có ý kiến nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ A theo Biên lai thu tạm ứng án phí số **0011678** ngày 14 tháng 3 năm 2022.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị T có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà